

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 60-TC/ĐTPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 1996

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc quản lý cho vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước

- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ban hành ngày 20-3-1996;
- Căn cứ Nghị định số 42/CP ngày 16/7/1996 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 04/TTLB ngày 10-9-1996 của Liên bộ Bộ xây dựng - Bộ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ;
- Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cho vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước như sau:

Phần I: QUY ĐỊNH CHUNG

- Nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước dành cho đầu tư phát triển gồm:
 - Vốn ngân sách hàng năm dành cho tín dụng đầu tư xây dựng cơ bản.
 - Vốn huy động theo chủ trương của Chính phủ.
 - Vốn vay nước ngoài của Chính phủ và các nguồn viện trợ Quốc tế dành cho tín dụng đầu tư phát triển.
 - Vốn thu hồi nợ vay (gốc và một phần lãi vay) các công trình tín dụng ưu đãi của Nhà nước đã đầu tư trước đây đến hạn trả nợ.
 - Các nguồn vốn khác theo quy định của Chính phủ.
- Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước phải có đủ thủ tục theo Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng, có trong kế hoạch Nhà nước và có đủ điều kiện vay vốn quy định tại Thông tư này.
- Hệ thống Tổng cục Đầu tư phát triển trực thuộc Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển, Cục Đầu tư phát triển, Chi cục Đầu tư phát triển dưới đây gọi tắt là cơ quan Đầu tư Phát triển) thực hiện quản lý, cho vay, đảm bảo cấp vốn vay kịp thời, đầy đủ theo hợp đồng tín dụng, có trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng vốn vay, thu hồi nợ vay (gốc và lãi) đầy đủ, đúng hạn. Cơ quan Đầu tư Phát triển được hưởng phí quản lý theo quy định hiện hành.
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Tổng công ty thành lập theo Quyết định số 91/TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh) và chủ đầu tư vay vốn (say đây gọi là đơn vị vay vốn) chịu trách nhiệm thực hiện các quy định của Nhà nước về đầu tư và xây dựng, quản lý, sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả. Đơn vị vay vốn có trách nhiệm trả nợ vay (gốc + lãi) đúng hợp đồng tín dụng đã ký với cơ quan đầu tư phát triển, báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định.
- Lãi suất cho vay vốn tín dụng của Nhà nước do Chính phủ quy định.
- Việc quản lý cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và các nguồn viện trợ Quốc tế dành cho đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định riêng. Phần vốn đối ứng trong nước bằng nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước được thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

Phần II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I- ĐỐI TƯỢNG VAY VỐN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI CỦA NHÀ NƯỚC:

- 1- Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế, các cơ sở sản xuất kinh doanh tạo việc làm có khả năng thu hồi vốn.
 - 2- Các dự án đầu tư cho các ngành kinh tế quan trọng của Nhà nước trong từng thời kỳ.
 - 3- Một số dự án đầu tư của các ngành có khả năng thu hồi vốn đã được xác định trong cơ cấu kế hoạch của Nhà nước.
- Việc bố trí đầu tư cho các dự án nói trên do Chính phủ quyết định cụ thể cho từng đối tượng trong thời kỳ kế hoạch.

II- ĐIỀU KIỆN VAY VỐN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI CỦA NHÀ NƯỚC:

Các dự án đầu tư được vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

- 1- Có báo cáo nghiên cứu khả thi và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.
- 2- Có quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán. Những dự án thuộc nhóm A, B, nếu chưa có thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được duyệt, thì trong quyết định đầu tư phải quy định mức vốn của từng hạng mục và phải có thiết kế kỹ thuật và dự toán của hạng mục khởi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- 3- Được bố trí vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước; có hiệu quả kinh tế - xã hội, có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.
- 4- Đơn vị vay vốn là các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả nợ vay (gốc và lãi) đúng hạn; có tài sản thế chấp hoặc được bảo lãnh hợp pháp; chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng và các quy định tại Thông tư này; mở tài khoản vay vốn tại cơ quan đầu tư phát triển trực tiếp cho vay vốn.

III- TRÌNH TỰ LẬP, THÔNG BÁO KẾ HOẠCH VỐN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI CỦA NHÀ NƯỚC:

- 1- Hàng năm, vào thời gian lập dự toán ngân sách Nhà nước năm sau theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước, căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án và sổ kiểm tra do Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo, đơn vị vay vốn lập kế hoạch đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng ưu đãi năm kế hoạch gửi Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển).
 - 2- Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và dài hạn của Nhà nước, các điều kiện ghi kế hoạch quy định tại Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng, Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển) chủ động phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ về tổng mức vốn đầu tư Xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn tín dụng ưu đãi năm kế hoạch, danh mục các dự án quan trọng của Nhà nước và dự kiến phân bổ mức vốn tín dụng ưu đãi đầu tư cho các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh.
 - 3- Sau khi được Chính phủ giao kế hoạch cho vay bằng nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước về tín dụng đầu tư xây dựng cơ bản cho các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển).
- Căn cứ vào kế hoạch Nhà nước đã giao, các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phân khai cụ thể danh mục dự án và mức vốn vay của từng dự án gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển). Tổng cục Đầu tư phát triển kiểm tra kế hoạch đã phân khai của các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh về tổng mức và danh mục dự án, thông báo danh mục và mức vốn từng dự án cho các Cục Đầu tư phát triển tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để hướng dẫn các đơn vị vay vốn lập hồ sơ vay vốn theo quy định. Trường hợp kế hoạch phân khai của các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa phù hợp với kế hoạch Nhà nước đã giao, Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển) có văn bản đề nghị Bộ Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.
- Trên cơ sở kế hoạch phân khai phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước đã giao, các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch xây dựng cơ bản năm cho chủ đầu tư.
- 4- Sau khi ký hợp đồng tín dụng, căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án, các đơn vị vay vốn lập kế hoạch và lịch rút vốn vay hàng quý gửi cơ quan đầu tư phát triển trực tiếp cho vay vốn để tổng hợp nhu cầu vốn vay theo kế hoạch của các đơn vị vay vốn, gửi Tổng cục đầu tư phát triển. Tổng cục đầu tư phát triển tổng hợp kế hoạch quý về vốn tín dụng ưu đãi trình Bộ Tài chính, trong đó xác định rõ nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân sách Nhà nước và nguồn vốn huy động kèm theo phương án huy động.

IV- HỒ SƠ VAY VỐN:

Đơn vị vay vốn gửi cơ quan đầu tư phát triển trực tiếp cho vay vốn hồ sơ sau đây:

- 1- Báo cáo nghiên cứu khả thi và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.
- 2- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán. Những dự án nhóm A, B, nếu chưa có thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được duyệt, thì trong quyết định đầu tư phải quy định mức vốn của từng hạng mục và phải có thiết kế kỹ thuật và dự toán của hạng mục khởi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với dự án mua thiết bị lẻ phải có dự toán và văn bản phê duyệt giá thiết bị của cấp có thẩm quyền.
- 3- Kế hoạch xây dựng cơ bản năm, các hợp đồng kinh tế (nếu có), các văn bản pháp lý khác liên quan đến việc đầu tư dự án (giấy cấp đất, giấy phép xây dựng,...).
- 4- Quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh, giấy phép kinh doanh, hành nghề, quyết định bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, báo cáo quyết toán sản xuất kinh doanh được duyệt trong 2 năm gần nhất (trừ trường hợp doanh nghiệp mới thành lập).
- 5- Văn bản thế chấp hoặc bảo lãnh theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- 6- Văn bản giải trình về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của đơn vị vay vốn, bản tính toán hiệu quả kinh tế đầu tư của dự án và thời hạn vay trả theo hướng dẫn của Tổng Cục đầu tư phát triển.

V- HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG:

1- Sau khi nhận đủ hồ sơ vay vốn hợp lệ, cơ quan cho vay vốn phân tích, đánh giá hiệu quả của dự án, khả năng vay trả của đơn vị vay vốn, tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh. Nếu dự án đủ điều kiện vay vốn và trên cơ sở thông báo chỉ tiêu tín dụng ưu đãi Nhà nước của Tổng cục Đầu tư phát triển cho dự án, cơ quan đầu tư phát triển trực tiếp cho vay vốn và đơn vị vay vốn tiến hành ký hợp đồng tín dụng. Đơn vị vay vốn có trách nhiệm hoàn tất các tài liệu còn thiếu (nếu có) trong hồ sơ vay vốn trước khi ký hợp đồng tín dụng. Nếu dự án không đủ điều kiện vay vốn, cơ quan cho vay vốn phải có văn bản gửi đơn vị vay vốn và cơ quan cấp trên của đơn vị vay vốn, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính.

2- Nội dung chủ yếu của hợp đồng tín dụng:

- Tổng mức vốn đầu tư của dự án theo quyết định đầu tư.
- Kế hoạch đầu tư năm, trong đó mức vốn vay ưu đãi của Nhà nước.
- Nội dung đầu tư.
- Lãi suất tiền vay.
- Thời hạn vay, thời hạn trả nợ (gốc và lãi), thời điểm bắt đầu trả nợ (gốc và lãi), kỳ hạn trả nợ và mức trả nợ từng kỳ.
- Trách nhiệm và cam kết thực hiện hợp đồng của đơn vị vay vốn và cơ quan cho vay vốn.

Hợp đồng tín dụng được lập thành 03 (ba) bản; đơn vị vay vốn và cơ quan đầu tư phát triển trực tiếp cho vay vốn mỗi bên giữ 01 (một) bản; 01 (một) bản gửi cơ quan pháp luật tỉnh, thành phố sở tại.

3- Thanh lý hợp đồng tín dụng: Sau khi đơn vị vay vốn trả hết nợ vay (gốc và lãi), cơ quan cho vay vốn và đơn vị vay vốn ký biên bản thanh lý hợp đồng tín dụng. Biên bản thanh lý hợp đồng tín dụng được lập thành 03 bản gửi các cơ quan trước đây đã gửi hợp đồng tín dụng.

VI- MỨC VỐN VAY, THỜI HẠN VAY VÀ TRẢ NỢ VAY

(GỐC VÀ LÃI):

1- Mức vốn vay tín dụng ưu đãi Nhà nước của dự án đầu tư được xác định trong kế hoạch Nhà nước hàng năm và theo quy định đầu tư. Đơn vị vay vốn phải huy động tối đa vốn tự bổ sung và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư. Cơ quan đầu tư phát triển cho vay bổ sung phần vốn còn thiếu.

2- Thời hạn vay vốn được tính từ ngày đơn vị vay vốn nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay (gốc và lãi).

3- Thời hạn trả nợ vay (gốc và lãi) được tính từ ngày đơn vị vay vốn bắt đầu trả nợ vay cho đến ngày trả hết nợ vay theo nguyên tắc:

- Chậm nhất sau 6 tháng kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đơn vị vay vốn bắt đầu trả nợ gốc hàng tháng hoặc hàng quý.
- Đơn vị vay vốn trả lãi vay hàng tháng trên số dư nợ vay.
- Đơn vị vay vốn có thể trả nợ vay (gốc và lãi) theo chu kỳ sản xuất kinh doanh của dự án.
- Trường hợp đơn vị vay vốn thực hiện dự án đầu tư mới, hoặc tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị vay vốn không đảm bảo đủ nguồn để trả nợ theo nguyên tắc nói trên, thì thời hạn trả nợ vay (gốc và lãi) được xem xét ân hạn nhưng không quá thời hạn đưa công trình (hạng mục công trình) vào sử dụng ghi trong dự án được duyệt.
- Đơn vị vay vốn có thể trả nợ vay trước hạn.

VII- CHUYỂN VỐN, CẤP VÀ THU HỒI VỐN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI CỦA NHÀ NƯỚC:

1- Chuyển vốn:

1.1- Đối với vốn tín dụng Nhà nước, căn cứ vào kế hoạch vốn vay hàng quý do hệ thống Tổng cục Đầu tư phát triển đề nghị, Bộ Tài chính chuyển vốn tín dụng ưu đãi của Ngân sách Nhà nước cho Tổng cục Đầu tư phát triển để tổ chức thực hiện cho vay. Đối với vốn huy động, Tổng cục Đầu tư phát triển có trách nhiệm lập phương án huy động vốn trình Bộ Tài chính phê duyệt, phối hợp với Vụ ngân sách Nhà nước và Kho bạc Nhà nước tổ chức thực hiện việc huy động kịp thời và đầy đủ số vốn cần huy động.

1.2- Căn cứ vào nguồn vốn tín dụng ưu đãi do Ngân sách Nhà nước đã chuyển, nguồn vốn huy động, thu nợ và lịch rút vốn của từng dự án đầu tư trên địa bàn do Cục đầu tư phát triển báo cáo, Tổng cục Đầu tư phát triển chuyển vốn tín dụng ưu đãi cho các Cục Đầu tư phát triển để thực hiện việc cho vay.

2- Cấp vốn vay:

2.1- Cấp vốn vay để tạm ứng:

2.1.1- Đơn vị vay vốn được vay vốn để tạm ứng cho đơn vị nhận thầu trong các trường hợp sau đây:

- Dự án vay vốn thực hiện đấu thầu dự án hoặc đấu thầu từng phần (xây lắp, thiết bị, tư vấn,...).
- Dự án vay vốn mua thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị chế tạo trong nước) hoặc thuê tư vấn theo quy định.
- Đối với các chi phí khác trong giai đoạn thực hiện dự án (đền bù, giải phóng mặt bằng,...) về nguyên tắc đơn vị vay vốn phải dùng vốn tự bổ sung hoặc các nguồn vốn khác để thực hiện. Nếu đơn vị vay vốn chưa có hoặc không đủ vốn tự bổ sung thì được xem xét cho vay vốn.

2.1.2- Điều kiện cho vay để tạm ứng:

- Đối với các dự án có đấu thầu dự án hoặc có khối lượng xây lắp tổ chức đấu thầu thì việc cho vay để tạm ứng vốn cho đơn vị trúng thầu chỉ thực hiện sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu, có hợp đồng kinh tế giữa đơn vị vay vốn và đơn vị trúng thầu, đơn vị trúng thầu có giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
 - Đối với việc mua thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị chế tạo trong nước), cho vay để tạm ứng vốn cho đơn vị nhận thầu chỉ thực hiện sau khi:
 - + Có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu (đối với phần thiết bị tổ chức đấu thầu).
 - + Có hợp đồng mua thiết bị giữa đơn vị vay vốn và đơn vị cung ứng thiết bị.
 - + Đơn vị trúng thầu có giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng (đối với phần thiết bị tổ chức đấu thầu).
 - Đối với các công việc phải thuê tư vấn thì việc cho vay để tạm ứng vốn cho đơn vị tư vấn chỉ thực hiện sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu (đối với công việc có tổ chức đấu thầu tuyển chọn tư vấn) và hợp đồng dịch vụ tư vấn đã được ký kết giữa đơn vị vay vốn và đơn vị tư vấn.
 - Đối với các công việc đền bù, giải phóng mặt bằng phải có phương án đền bù, di chuyển và dự toán được duyệt.
- Tất cả các hợp đồng ký kết với các tổ chức nước ngoài phải được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt nội dung hợp đồng, riêng đối với hợp đồng nhập khẩu thiết bị nước ngoài còn phải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thương mại về